TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 881/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Ông Phạm Bá Chương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1072/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2019; Quyết định hoãn phiên toà số 177/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Dương Lệ D, sinh năm 1978.
Địa chỉ: số nhà 85 Đường X, Khu phố Y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1970.
Địa chỉ: số nhà 85 Đường X, Khu phố Y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2018 và lời trình bày của bà Ngô Dương Lệ D:

Bà và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31/10/1997. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì P sinh mâu thuẫn do ông T không còn chăm lo làm việc, thường xuyên uống rượu say và có hành vi xúc phạm, đe doạ, bạo hành bà làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài không khắc phục

được nên vợ chồng không còn tình cảm, không gắn bó, chia sẻ lẫn nhau. Đến nay bà không thể tiếp tục chung sống với ông T nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Trọng T.

Con chung: Nguyễn Trọng P, sinh ngày 15/7/1999, đã trưởng thành, Nguyễn Kim Đ, sinh ngày 05/4/2002 và Nguyễn Kim N, sinh ngày 24/11/2004. Bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Nguyễn Kim Đ và Nguyễn Kim N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 6 năm 2019, ông Nguyễn Trọng T trình bày:

Theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, năm 2018 ông P hiện bà D có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và bà D không còn chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Tháng 02/2019 bà D đã tách ra sống riêng nên ông phải chăm sóc các con. Ông nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: có ba con chung, Nguyễn Trọng P, sinh ngày 15/7/1999, đã trưởng thành, ông yêu cầu nuôi hai con chung Nguyễn Kim Đ và Nguyễn Kim N.

Tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Ngô Dương Lệ D giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Trọng T. Ông T đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Ngô Dương Lệ D được ly hôn ông Nguyễn Trọng T. Giao hai con Nguyễn Kim Đ và Nguyễn Kim N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn". Do bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội D: xét, bà Ngô Dương Lệ D và ông Nguyễn Trọng T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 31/10/1997 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau trong thời gian dài. Do đó yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà D, ông T phù hợp với bản sao các giấy khai sinh số 513 ngày 27/9/1999, số 178/ĐKQH ngày 01/6/2005 của Uỷ ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và bản sao giấy khai sinh số 59 ngày 12/4/2002 của Uỷ ban nhân dân phường T1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định bà D và ông T có ba người con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 15/7/1999, đã trưởng thành, Nguyễn Kim Đ, sinh ngày 05/4/2002 và Nguyễn Kim N, sinh ngày 24/11/2004.

Xét, bà D và ông T cùng có nguyện vọng nuôi con nhưng việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Các con xác định hiện tại đang ở với bà D, được chăm sóc tốt và cùng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của các con nên giao các con cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Bà D, ông T xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà D phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Dương Lệ D;

Bà Ngô Dương Lệ D được ly hôn ông Nguyễn Trọng T.

2. Con chung: Giao hai con chung Nguyễn Kim Đ (nữ), sinh ngày 05/4/2002 và Nguyễn Kim N (nữ), sinh ngày 24/11/2004 cho bà Ngô Dương Lệ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Trọng T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Ngô Dương Lệ D phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022698 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Hiền Lũy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q. Thủ Đức;
- UBND phường Linh Xuân;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.